TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H.N** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.N, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí D.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn T.
2. Ông Nguyễn Tuấn L.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn T là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô H Y - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mao Văn H, sinh năm 1991.
Cư trú tại: ấp L. P, xã L. K, huyện H. N, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn:* Chị Võ Thị Kim N, sinh năm 1989.
Cư trú tại: ấp L.T, xã L.K , huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp.
(Anh H có mặt tại phiên tòa, chị N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2019, bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của nguyên đơn anh Mao Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Võ Thị Kim N sau thời gian tìm hiểu đến với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 07/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L.K, huyện H. N, tỉnh Đồng Tháp, thời gian đầu sống bên gia đình chị N được khoảng 02 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cha mẹ chị N xúc phạm anh và gia đình anh, tháng 02 năm 2017 về bên gia đình anh sống, tháng 03 năm 2017 không còn sống chung cho đến nay. Từ khi không còn sống chung không gặp nhau hàn gắn. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị N do tình cảm không còn.

Về con chung: Anh H trình bày trong thời gian sống chung với chị N có 01 con chung tên Mao Võ Phương V, sinh ngày 09/02/2017 đang sống với chị N,

anh thống nhất giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh H trình bày trong thời gian sống chung với chị N không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H trình bày trong thời gian sống chung với chị N không có nợ ai hoặc ai nợ lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Võ Thị Kim N đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về việc thu thập, tài liệu chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, không có ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật, về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của anh H, về con chung: chị N được tiếp tục nuôi dưỡng Mao Võ Phương V, sinh ngày 09/02/2017, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở, về tài sản chung và nợ chung: không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ việc xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị N. Đây là tranh chấp ly hôn, về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.N.

[3] Về nội dung:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh H và chị N là phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, anh H, chị N sống chung với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 07/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L.K, huyện H.N, tỉnh Đồng Tháp, anh H trình bày thời gian đầu sống bên gia đình chị N được khoảng 02 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cha mẹ chị N xúc phạm anh và gia đình anh, tháng 02 năm 2017 về bên gia đình anh sống, tháng 03 năm 2017 không còn sống chung, khi không còn sống chung không có gặp nhau hàn gắn, cho thấy chị N không quan tâm gia đình, đã là vợ chồng phải thương yêu đùm bọc lẫn nhau, khi nhận văn bản tố tụng chị N không trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa là do chị N từ bỏ quyền lợi của mình. Vì vậy, hôn nhân giữa anh H và chị N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận cho anh H ly hôn với chị N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Mao Võ Phương V, sinh ngày 09/02/2017, chị N đang nuôi dưỡng, anh H thống nhất giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và thống nhất cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét từ khi anh H và chị N không còn sống chung, Phương V sống với chị N. Vì vậy, giao Phương V cho chị

N được nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở. Mặc dù, chị N vắng mặt không trình bày ý kiến nhưng anh H thống nhất cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật và nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh H. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004192 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.N, còn phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mao Văn H.

1. Về hôn nhân: Anh Mao Văn H được ly hôn với chị Võ Thị Kim N.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Kim N được nuôi dưỡng Mao Võ Phương V, sinh ngày 09/02/2017, anh H cấp dưỡng nuôi Phương V mỗi tháng bằng $^1/_2$ mức lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Phương V đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004192 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.N, còn phải chịu 300.000 đồng.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H.N;
- Chi cục THADS huyện H.N;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Chí D